



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng  
Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy phép đầu tư số</b>	197/GP-KCN-ĐN	ngày 24 tháng 1 năm 2003
	197/GPĐC1-KCN-ĐN	ngày 21 tháng 5 năm 2005
	197/GPĐC2-KCN-ĐN	ngày 26 tháng 4 năm 2006
	197/GCNĐC3-KCN-ĐN	ngày 29 tháng 8 năm 2006

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là theo giấy phép đầu tư số 197/GCNĐC3-KCN-ĐN ngày 29 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các giấy phép đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

<b>Giấy chứng nhận đầu tư số</b>	47203300720	ngày 17 tháng 12 năm 2008
----------------------------------	-------------	---------------------------

Giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số</b>	3600618918	ngày 31 tháng 8 năm 2015
--	------------	--------------------------

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Phạm Trung Lâm	Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)
		Phó Chủ tịch (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Phạm Phú Ngọc Trai	Chủ tịch (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Trần Phương Bắc	Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Danny Lê	Thành viên
	Dương Thanh	Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Yew Kean Lai	Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Nguyễn Phúc Hào	Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Ban Giám đốc**

Phạm Trung Lâm  
Ernest Vijyakumar Richards

Tổng Giám đốc  
Giám đốc Vận hành  
(từ ngày 27 tháng 5 năm 2016)  
Phó Tổng Giám đốc  
(đến ngày 26 tháng 5 năm 2016)  
Giám đốc Tài chính  
(từ ngày 27 tháng 5 năm 2016)

Nguyễn Thị Minh Hằng

**Ban Kiểm soát**

Lê Phạm Minh Đức  
Đào Thị Mai Hoa

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên  
(từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)

Đoàn Thị Mỹ Duyên

Thành viên  
(từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)

Đặng Ngọc Cả

Thành viên  
(từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)

Cheong Yew Hoong

Thành viên  
(đến ngày 31 tháng 5 năm 2016)

Nguyễn Duy Phương

Thành viên  
(đến ngày 31 tháng 5 năm 2016)

**Trụ sở đăng ký**

Lô A4, Đường số 2  
Khu Công nghiệp Sông Mây  
Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

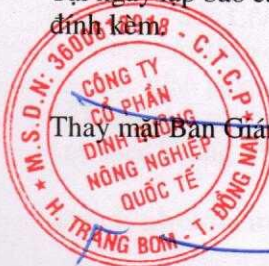
**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi Cổ đông Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 53.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-953



Hà Vũ Đình

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>3.134.392.844.632</b>	<b>3.139.152.887.229</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.136.584.266.210</b>	<b>1.176.385.065.556</b>
Tiền	111		74.484.266.210	48.085.065.556
Các khoản tương đương tiền	112		1.062.100.000.000	1.128.300.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>130.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		130.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>766.648.783.009</b>	<b>1.087.191.099.159</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	652.057.790.498	273.342.850.207
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	103.825.200.642	24.841.300.564
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	-	730.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	16.217.752.300	63.471.216.840
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.451.960.431)	(4.464.268.452)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1.220.771.725.418</b>	<b>859.550.668.671</b>
Hàng tồn kho	141		1.228.169.388.530	859.550.668.671
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.397.663.112)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.258.069.995</b>	<b>16.026.053.843</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	8.257.883.540	8.467.936.611
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.687.666.770	4.308.329.578
Thuế phải thu Nhà nước	153	18	312.519.685	3.151.281.972
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	98.505.682

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>6.089.869.617.407</b>	<b>662.429.452.265</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.750.726.504.897</b>	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	2.631.574.458.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	119.152.046.897	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>732.115.553.251</b>	<b>456.788.590.366</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	702.653.346.207	456.788.590.366
Nguyên giá	222		940.393.646.832	637.624.899.816
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237.740.300.625)	(180.836.309.450)
Tài sản cố định vô hình	227	12	29.462.207.044	-
Nguyên giá	228		29.905.247.750	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(443.040.706)	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>298.573.858.996</b>	<b>43.761.702.905</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	298.573.858.996	43.761.702.905
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>2.135.490.172.000</b>	-
Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.135.490.172.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>172.963.528.263</b>	<b>161.879.158.994</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	98.540.421.304	116.898.659.739
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	74.423.106.959	44.980.499.255
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>9.224.262.462.039</b>	<b>3.801.582.339.494</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

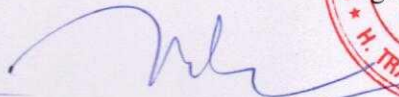
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>7.524.702.163.345</b>	<b>1.205.457.075.983</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.043.947.226.857</b>	<b>1.159.282.136.067</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	772.216.870.849	360.500.382.099
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.168.020.851	8.773.746.740
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	46.408.956.037	62.805.998.490
Phải trả người lao động	314		-	86.048.846.556
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19(a)	754.473.369.412	446.701.013.322
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	1.993.998.280.545	16.628.295.260
Vay ngắn hạn	320	21(a)	1.468.674.614.457	177.816.738.894
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.114.706	7.114.706
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.480.754.936.488</b>	<b>46.174.939.916</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	19(b)	34.243.411.378	46.174.939.916
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	37.578.191.778	-
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	21(b)	2.408.933.333.332	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.699.560.298.694</b>	<b>2.596.125.263.511</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.699.560.298.694</b>	<b>2.596.125.263.511</b>
Vốn cổ phần	411	23	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		944.868.793	944.868.793
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		944.868.793	944.868.793
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.497.660.561.108	2.394.235.525.925
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.279.291.974.330	1.625.715.693.288
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		218.368.586.778	768.519.832.637
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>9.224.262.462.039</b>	<b>3.801.582.339.494</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám đốc Tài chính



Người duyệt:

Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>11.356.787.086.729</b>	<b>6.953.471.407.181</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>26</b>	<b>787.779.940.739</b>	<b>558.805.456.854</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>10.569.007.145.990</b>	<b>6.394.665.950.327</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>8.104.957.477.534</b>	<b>5.025.909.862.382</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.464.049.668.456</b>	<b>1.368.756.087.945</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	178.083.651.388	95.620.525.038
Chi phí tài chính	22	29	157.818.648.508	10.688.970.717
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>151.066.086.421</i>	<i>8.741.526.521</i>
Chi phí bán hàng	25	30	1.053.258.332.654	414.684.559.803
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	152.211.837.848	119.613.645.218
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.278.844.500.834</b>	<b>919.389.437.245</b>
Thu nhập khác	31	32	144.118.185.118	5.049.370.961
Chi phí khác	32	33	6.814.274.020	3.213.887.303
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>137.303.911.098</b>	<b>1.835.483.658</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang sau)</b>	<b>50</b>		<b>1.416.148.411.932</b>	<b>921.224.920.903</b>

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (trang trước mang sang)	50		1.416.148.411.932	921.224.920.903
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	164.165.984.453	163.476.152.554
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	(29.442.607.704)	(10.771.064.288)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.281.425.035.183	768.519.832.637
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của Công ty	61		1.281.425.035.183	768.519.832.637
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	64.071	38.426

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.416.148.411.932</b>	<b>921.224.920.903</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		58.734.198.662	39.160.410.535
Các khoản dự phòng	03		8.385.355.091	3.607.334.601
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.399.353.875	1.904.496.954
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(177.166.331.890)	(94.756.011.442)
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	06		151.066.086.421	8.741.526.521
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.460.567.074.091</b>	<b>879.882.678.072</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(395.432.456.097)	(20.379.464.313)
Biến động hàng tồn kho	10		(368.618.719.859)	(150.241.193.172)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		562.537.546.120	236.382.048.703
Biến động chi phí trả trước	12		(18.406.708.494)	(44.122.287.932)
			<b>1.240.646.735.761</b>	<b>901.521.781.358</b>
Tiền lãi vay và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu đã trả	14		(97.837.505.607)	(8.641.915.559)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(185.944.253.463)	(142.021.244.263)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>956.864.976.691</b>	<b>750.858.621.536</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21		(614.164.497.131)	(276.513.237.117)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.739.896.657	136.363.636
Tiền chi cho vay và đầu tư tài chính ngắn hạn	23		(6.261.466.378.000)	(730.000.000.000)
Tiền thu hồi từ cho vay	24		4.418.161.920.000	848.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	25		(2.135.490.172.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		50.685.578.874	52.748.179.195
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.540.533.651.600)</b>	<b>(101.628.694.286)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ nhận vốn góp vào công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	31		10.000.000	-
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		12.847.312.663.456	1.128.034.500.468
Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.113.454.787.893)	(950.217.761.574)
Tiền trả cổ tức	36		(190.000.000.000)	(230.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.543.867.875.563</b>	<b>(52.183.261.106)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

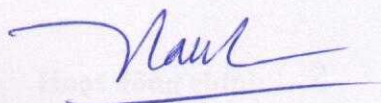
**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(39.800.799.346)	597.046.666.144
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.176.385.065.556	579.337.256.852
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		-	1.142.560
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	1.136.584.266.210	1.176.385.065.556

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Trụ sở chính của Công ty (“Trụ sở chính”) đặt tại Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chi nhánh Công ty tại tỉnh Hà Nam (“Chi nhánh”) được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 06212000062 ngày 18 tháng 1 năm 2006 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 8 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 6 công ty con).

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

Số thứ tự	Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu vốn/ quyền biểu quyết	
				31/12/2016	1/1/2016
<b>Công ty con</b>					
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>					
1	Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (“ANCO Vĩnh Long”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chế biến tôm, cá và mực; sản xuất, chế biến, kinh doanh khoai mì, bột mì, bắp, tấm, gạo, thực phẩm, ngũ cốc và bột ngũ cốc.	Khu IV, tuyến công nghiệp Cỏ Chiên, ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô B4.06, khu công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), khu kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	100,00%	100,00%



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Số thứ tự	Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu vốn/ quyền biểu quyết	
				31/12/2016	1/1/2016
3	Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (“ANCO Thái Nguyên”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô B5-B6, khu công nghiệp Trung Thành, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (“ANCO Tiền Giang”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô 22, 23B, khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (“ANCO Nghệ An”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Khu C, khu công nghiệp Nam Cẩm khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang (“ANCO Hậu Giang”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Đường số 4, khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%
7	Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (“MNF”) (i)	Tư vấn quản lý	(Trong khuôn viên Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế) Lô A4, khu công nghiệp Sông mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	99,99%	-

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Tỷ lệ sở hữu vốn/  
 quyền biểu quyết**  
**31/12/2016 1/1/2016**

Số thứ tự	Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu vốn/ quyền biểu quyết 31/12/2016	1/1/2016
<i>Công ty con sở hữu gián tiếp</i>					
1	Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A) (“MNF (NA)”) (ii)	Chăn nuôi lợn; chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt lợn.	Xóm Côn Sơn, xã Hạ Sơn, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	99,99%	-
<i>Công ty liên kết sở hữu trực tiếp</i>					
1	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (“Vissan”) (iii)	Chế biến và kinh doanh thịt tươi sống, thực phẩm và các sản phẩm chế biến từ thịt.	Số 420, đường Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	24,94%	-

- (i) Trong tháng 6 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603383090 phê duyệt việc thành lập MNF. Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Science) (“MNS”) và Công ty lần lượt có 0,01% và 99,99% tỷ lệ lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNF. MNF trở thành công ty con trực tiếp của Công ty.
- (ii) Trong tháng 6 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901852878 phê duyệt việc thành lập MNF (NA). MNF sở hữu 100,00% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNF (NA). Vì vậy, MNF (NA) trở thành công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua MNF.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Trong tháng 3 và tháng 6 năm 2016, Công ty đã mua thêm lần lượt là 14,00% và 10,94% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Vissan. Các giao dịch trên dẫn đến Vissan trở thành công ty liên kết sở hữu trực tiếp của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 1.628 nhân viên (1/1/2016: 1.211 nhân viên).

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### **(iii) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

##### **(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là tỷ giá chuyển khoản mua và tỷ giá chuyển khoản bán, của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 - 12 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 45 năm.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 45 đến 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

***(ii) Doanh thu dịch vụ gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	404.509.861	86.423.358
Tiền gửi ngân hàng	74.079.756.349	47.864.542.198
Tiền đang chuyển	-	134.100.000
Các khoản tương đương tiền	1.062.100.000.000	1.128.300.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>	<b>1.136.584.266.210</b>	<b>1.176.385.065.556</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

**5. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn:**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”)	194.471.146.721	9.844.742.000
Các khách hàng khác	457.586.643.777	263.498.108.207
	<b>652.057.790.498</b>	<b>273.342.850.207</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Proconco	194.471.146.721	9.844.742.000
Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên	20.299.956.240	-
Công ty TNHH MTV Con Cò Bình Định	5.851.735.071	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**6. Trả trước cho người bán**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trả trước để mua hàng tồn kho	15.031.195.305	6.899.864.772
Trả trước để mua tài sản cố định	75.773.102.175	15.429.777.650
Trả trước để mua dịch vụ	12.076.074.173	2.511.658.142
Khác	944.828.989	-
	103.825.200.642	24.841.300.564

**7. Phải thu về cho vay**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu từ Công ty TNHH Kenji (“Kenji”) (*)	788.400.000.000	730.000.000.000
Phải thu từ Công ty TNHH Shika (“Shika”) (**)	1.447.174.458.000	-
Phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) (***)	396.000.000.000	-
	2.631.574.458.000	730.000.000.000
Ngắn hạn	-	730.000.000.000
Dài hạn	2.631.574.458.000	-
	2.631.574.458.000	730.000.000.000

(\*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, khoản phải thu về cho vay từ Kenji, một bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 8,0%.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2016, Công ty và Kenji đã đồng ý tái cơ cấu lại khoản nợ gốc còn phải thu và lãi lũy kế liên quan tại ngày 6 tháng 1 năm 2016. Khoản cho vay đã tái cơ cấu này sẽ đáo hạn vào ngày 6 tháng 1 năm 2018 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

(\*\*) Khoản phải thu về cho vay từ Shika, một bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,5%. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2018 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

(\*\*\*) Khoản phải thu về cho vay từ MSN, một bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,5%. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 11 tháng 7 năm 2021 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**8. Các khoản phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Các khoản tạm ứng	4.510.677.176	3.680.070.243
Tiền đặt cọc ngắn hạn	1.219.387.100	629.122.330
Lãi phải thu từ các bên liên quan	7.550.684.931	57.600.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	-	839.020.501
Cho mượn nguyên liệu và các khoản khác phải thu từ các bên liên quan	-	463.665.000
Phải thu khác	2.937.003.093	259.338.766
	<hr/>	<hr/>
	16.217.752.300	63.471.216.840
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Lãi phải thu từ Kenji	62.553.600.000	-
Lãi phải thu từ Shika	52.008.912.650	-
Lãi phải thu từ MSN	4.589.534.247	-
	<hr/>	<hr/>
	119.152.046.897	-
	<hr/>	<hr/>

**9. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi**

Biến động dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	4.464.268.452	856.933.851
Tăng dự phòng trong năm	3.431.393.654	3.607.334.601
Hoàn nhập	(2.443.701.675)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.451.960.431	4.464.268.452
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	506.295.930.533	-	359.001.316.653	-
Nguyên vật liệu	639.628.108.828	(7.397.663.112)	398.680.673.419	-
Công cụ và dụng cụ	49.492.919	-	26.499.406.653	-
Thành phẩm	78.623.076.888	-	75.369.271.946	-
Hàng hóa	3.572.779.362	-	-	-
	<b>1.228.169.388.530</b>	<b>(7.397.663.112)</b>	<b>859.550.668.671</b>	<b>-</b>

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh khoản dự phòng lập trong năm (2015: không có).

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 7.398 triệu VND (1/1/2016: không có) nguyên vật liệu lỗi thời không có dự định sử dụng. Những khoản mục này liên quan đến bao bì với nhãn in cũ dự kiến sẽ được thanh lý phế liệu trong năm tới.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có nguyên vật liệu với giá gốc 7.938 triệu VND (1/1/2016: không có) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	308.063.525.021	244.161.101.771	63.286.848.945	22.113.424.079	637.624.899.816
Tăng trong năm	596.438.292	6.697.139.441	5.092.716.200	748.337.000	13.134.630.933
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	203.131.585.236	82.892.227.596	6.165.725.000	754.600.000	292.944.137.832
Thanh lý	-	(1.782.778.717)	(1.527.243.032)	-	(3.310.021.749)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>511.791.548.549</b>	<b>331.967.690.091</b>	<b>73.018.047.113</b>	<b>23.616.361.079</b>	<b>940.393.646.832</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	66.947.955.574	78.169.286.853	31.691.018.683	4.028.048.340	180.836.309.450
Khấu hao trong năm	23.536.308.400	23.677.060.190	8.157.171.138	2.920.618.228	58.291.157.956
Thanh lý	-	(165.791.151)	(1.221.375.630)	-	(1.387.166.781)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>90.484.263.974</b>	<b>101.680.555.892</b>	<b>38.626.814.191</b>	<b>6.948.666.568</b>	<b>237.740.300.625</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	241.115.569.447	165.991.814.918	31.595.830.262	18.085.375.739	456.788.590.366
Số dư cuối năm	421.307.284.575	230.287.134.199	34.391.232.922	16.667.694.511	702.653.346.207

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 35.095 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 32.666 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tăng trong năm	3.655.247.750
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	26.250.000.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	29.905.247.750
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	443.040.706
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	29.462.207.044
	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	43.761.702.905	38.458.558.653
Tăng trong năm	537.031.293.923	96.399.671.396
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	10.725.000.000	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(292.944.137.832)	(91.096.527.144)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	298.573.858.996	43.761.702.905

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Dự án tại:		
• ANCO Hậu Giang	232.997.136.664	235.245.000
• MNF (NA)	56.852.132.292	-
• ANCO Nghệ An	6.627.671.860	43.276.457.905
• Trụ sở chính tại Đồng Nai	1.714.592.281	-
• Chi nhánh Hà Nam	30.753.899	-
• ANCO Vĩnh Long	15.200.000	-
• ANCO Thái Nguyên	86.372.000	-
• ANCO Bình Định	250.000.000	250.000.000
	<hr/>	<hr/>
	298.573.858.996	43.761.702.905



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Đầu tư tài chính**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

	31/12/2016			1/1/2016		
	Số lượng cổ phần	% sở hữu vốn	% quyền biểu quyết	Số lượng cổ phần	% sở hữu vốn	% quyền biểu quyết
Vissan	20.180.026	24,94%	24,94%			
				Nguyên giá VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
				2.135.490.172.000	-	-
				(*)		

(\*) Tại ngày báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo hiểm trả trước	275.991.355	564.344.857
Chi phí thuê hoạt động trả trước	1.338.972.436	1.536.126.501
Công cụ và dụng cụ trả trước	4.635.668.164	5.788.491.474
Chi phí khác	2.007.251.585	578.973.779
	8.257.883.540	8.467.936.611

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b>	<b>Công cụ và</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tổng</b>
	<b>trả trước</b>	<b>dụng cụ</b>	<b>khác</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	101.498.390.315	11.723.842.755	3.676.426.669	116.898.659.739
Tăng trong năm	-	31.299.180.936	1.014.869.180	32.314.050.116
Phân loại lại sang tài sản cố định vô hình	(26.250.000.000)	-	-	(26.250.000.000)
Phân loại lại sang xây dựng cơ bản dở dang	(10.725.000.000)	-	-	(10.725.000.000)
Phân bổ trong năm	(1.272.162.688)	(11.295.289.463)	(1.129.836.400)	(13.697.288.551)
	63.251.227.627	31.727.734.228	3.561.459.449	98.540.421.304

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	390.732.111	538.439.719
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	862.992.152	151.779.762
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	427.775.463	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	70.058.182.547	36.229.505.655
Chi phí phải trả dài hạn	2.683.424.686	8.060.774.119
	<b>74.423.106.959</b>	<b>44.980.499.255</b>

**17. Các khoản phải trả người bán – ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn:**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Pro-active Synergy Sdn. Bhd.	156.335.478.716	201.231.269.233
Các nhà cung cấp khác	615.881.392.133	159.269.112.866
	<b>772.216.870.849</b>	<b>360.500.382.099</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan:**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Proconco	95.400.512.039	346.416.131
Công ty TNHH MTV Con Cò Bình Định	1.968.779.860	-
Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên	165.770.286	-

Khoản thương mại phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Chuyển từ thuế phải thu VND	Hoàn lại VND	Phân lại sang thuế phải thu VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.232.643	1.301.154.568	(953.033.201)	(1.094.909.074)	796.314.299	161.553.018	223.312.253
Thuế nhập khẩu	-	107.595.459.455	(105.539.086.557)	(2.056.372.898)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.259.322.375	164.165.984.453	(185.944.253.463)	-	-	150.966.667	38.632.020.032
Thuế thu nhập cá nhân	2.534.443.472	26.582.996.892	(22.104.281.315)	-	-	-	7.013.159.049
Thuế khác	-	2.293.657.088	(1.753.192.385)	-	-	-	540.464.703
	<b>62.805.998.490</b>	<b>301.939.252.456</b>	<b>(316.293.846.921)</b>	<b>(3.151.281.972)</b>	<b>796.314.299</b>	<b>312.519.685</b>	<b>46.408.956.037</b>

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chi phí phải trả**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thưởng và lương tháng thứ 13	128.203.357.677	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	122.819.289.472	53.931.731.220
Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông đại chúng	69.800.772.770	-
Lãi trái phiếu	49.816.666.666	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.820.241.284	7.080.999.336
Mua hàng chưa nhận được hóa đơn	-	3.404.485.247
Chi phí lãi vay	-	99.610.962
Chi phí khác	22.034.179.143	146.519.134.982
	<hr/>	<hr/>
	400.494.507.012	211.035.961.747
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	353.978.862.400	235.665.051.575
	<hr/>	<hr/>
	754.473.369.412	446.701.013.322

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu bán hàng	388.222.273.778	281.839.991.491
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(353.978.862.400)	(235.665.051.575)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	34.243.411.378	46.174.939.916

Chi phí phải trả dài hạn phản ánh chiết khấu bán hàng phải trả trong vòng hai năm tiếp theo.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	1.988.000.000.000	-
Mượn nguyên vật liệu	-	15.133.764.222
Ký quỹ ngắn hạn nhận được	242.040.000	242.040.000
Bảo hiểm xã hội	188.787.025	190.298.140
Kinh phí công đoàn	-	57.707.250
Các khoản khác	5.567.453.520	1.004.485.648
	<b>1.993.998.280.545</b>	<b>16.628.295.260</b>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả cho một bên liên quan	37.578.191.778	-

**(c) Phải trả khác cho các bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ đông	1.988.000.000.000	-
Proconco	37.578.191.778	3.650.000

Khoản phi thương mại phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả theo thỏa thuận.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vay và trái phiếu phát hành**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	177.816.738.894	177.816.738.894	5.464.312.663.456	(4.173.454.787.893)	1.468.674.614.457	1.468.674.614.457
Vay dài hạn hoàn trả trước ngày đáo hạn (Thuyết minh 21(b))	-	-	4.940.000.000.000	(4.940.000.000.000)	-	-
	<b>177.816.738.894</b>	<b>177.816.738.894</b>	<b>10.404.312.663.456</b>	<b>(9.113.454.787.893)</b>	<b>1.468.674.614.457</b>	<b>1.468.674.614.457</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	VND	4,7% - 5,0%	1.265.859.002.587	177.816.738.894
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	USD	1,5%	124.619.455.273	-
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (**)	VND	4,7%	78.196.156.597	-
			<b>1.468.674.614.457</b>	<b>177.816.738.894</b>

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 2.000 tỷ VND, không được đảm bảo và phải hoàn trả trong vòng một đến ba tháng kể từ ngày giải ngân.
- (\*\*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 300 tỷ VND, không được đảm bảo và phải hoàn trả trong vòng sáu tháng kể từ ngày giải ngân.

**(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	5.383.000.000.000	-
Trái phiếu thường (ii)	1.965.933.333.332	-
	7.348.933.333.332	-
Vay dài hạn hoàn trả trước ngày đáo hạn (Thuyết minh (21(a)))	(4.940.000.000.000)	-
	2.408.933.333.332	-

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

		<b>Lãi suất</b>	<b>Năm đáo</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>Loại tiền</b>	<b>năm</b>	<b>hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản vay không đảm bảo từ Proconco	VND	6,5%	2018	443.000.000.000	-
				443.000.000.000	-



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
Lô 1	VND	7%	2021	1.275.733.333.332	-
Lô 2	VND	8%	2021	690.200.000.000	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				1.965.933.333.332	-

Bao gồm nhưng không giới hạn, các trái phiếu phát hành trên được đảm bảo bằng một số cổ phiếu của Proconco và Công ty được nắm giữ lần lượt bởi Kenji và MNS.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư và phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.855.715.693.288	-	2.057.605.430.874
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	768.519.832.637	-	768.519.832.637
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(230.000.000.000)	-	(230.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	2.394.235.525.925	-	2.596.125.263.511
Vốn góp	-	-	-	-	10.000.000	10.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.281.425.035.183	-	1.281.425.035.183
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(2.178.000.000.000)	-	(2.178.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.497.660.561.108	10.000.000	1.699.560.298.694

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**24. Cổ tức**

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông Công ty vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 và ngày 18 tháng 11 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 2.178 tỷ VND (108.900 VND trên một cổ phiếu) (2015: 230 tỷ VND hoặc 11.500 VND trên một cổ phiếu).

**25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.831.081.029	4.508.553.334
Từ hai đến năm năm	16.624.324.116	18.088.104.196
Sau năm năm	115.784.258.078	135.534.464.563
	<b>137.239.663.223</b>	<b>158.131.122.093</b>

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Ngoại tệ**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	USD96.327	2.198.709.821	USD96.780	2.167.604.029

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	889.874.808.047	329.401.543.300
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	405.347.458.517	47.625.871.551
	<u>1.295.222.266.564</u>	<u>377.027.414.851</u>

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	10.788.386.930.295	6.883.930.173.646
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	548.435.817.018	69.541.233.535
▪ Doanh thu từ phí gia công	19.964.339.416	-
	<u>11.356.787.086.729</u>	<u>6.953.471.407.181</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu bán hàng	(787.007.077.489)	(558.452.905.104)
▪ Hàng bán bị trả lại	(772.863.250)	(352.551.750)
	<u>(787.779.940.739)</u>	<u>(558.805.456.854)</u>
Doanh thu thuần	<u>10.569.007.145.990</u>	<u>6.394.665.950.327</u>

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Thành phẩm và hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	7.549.381.980.057	4.956.469.881.566
Nguyên vật liệu đã bán	548.177.834.365	69.439.980.816
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.397.663.112	-
	<hr/> 8.104.957.477.534	<hr/> 5.025.909.862.382 <hr/>

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	177.349.290.201	95.583.435.683
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	734.361.187	23.370.351
Khác	-	13.719.004
	<hr/> 178.083.651.388	<hr/> 95.620.525.038 <hr/>

**29. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	88.416.086.423	8.741.526.521
Lãi trái phiếu và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	62.649.999.998	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.399.353.875	1.904.496.954
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.306.126.314	39.613.702
Khác	47.081.898	3.333.540
	<hr/> 157.818.648.508	<hr/> 10.688.970.717 <hr/>

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. Chi phí bán hàng**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công và nhân viên	229.003.544.901	178.608.286.249
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	480.520.687.407	160.477.917.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	259.498.795.631	20.357.088.238
Chi phí vận chuyển	42.437.988.357	25.310.969.456
Chi phí khấu hao	3.406.198.749	3.560.375.212
Công cụ và dụng cụ	4.872.520.923	8.918.496.447
Chi phí khác	33.518.596.686	17.451.426.366
	<b>1.053.258.332.654</b>	<b>414.684.559.803</b>

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công và nhân viên	85.286.866.870	78.819.869.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.422.936.851	18.498.478.511
Chi phí khấu hao	5.552.598.684	2.976.543.820
Công cụ và dụng cụ	1.447.501.173	4.424.373.136
Chi phí thuế, phí và lệ phí	52.206.638	805.771.785
Chi phí khác	16.449.727.632	14.088.608.159
	<b>152.211.837.848</b>	<b>119.613.645.218</b>

**32. Thu nhập khác**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Hoàn nhập dự phòng	140.157.435.642	-
Lãi từ bán phế liệu	-	2.546.102.970
Tiền bồi thường nhận được	-	474.460.400
Thu nhập khác	3.960.749.476	2.028.807.591
	<b>144.118.185.118</b>	<b>5.049.370.961</b>

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí khác**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản chi phí liên quan đến thuế	4.923.120.493	-
Giá trị ghi sổ của phế liệu đã bán	1.189.474.889	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	182.958.311	827.424.241
Chi phí khác	518.720.327	2.386.463.062
	<hr/>	<hr/>
	6.814.274.020	3.213.887.303

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	7.239.390.214.921	4.843.203.924.634
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	538.949.497.229	134.280.779.599
Chi phí nhân công và nhân viên	423.859.071.408	324.533.747.848
Chi phí khấu hao và phân bổ	58.734.198.662	39.160.410.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.631.249.515	248.730.187.048
Chi phí khác	691.588.012.185	155.821.520.111

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	151.781.547.293	163.476.152.554
Dự phòng thiếu trong những năm trước	12.384.437.160	-
	<hr/> 164.165.984.453	<hr/> 163.476.152.554
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(29.442.607.704)	(10.771.064.288)
	<hr/> 134.723.376.749	<hr/> 152.705.088.266

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.416.148.411.932	921.224.920.903
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	212.422.261.790	138.183.738.135
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	22.700.160.936	21.435.265.096
Thu nhập được miễn thuế	(21.023.615.346)	(15.325.782.179)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các hoạt động khác	4.053.456.617	4.662.866.305
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.017.737.157	432.920.010
Ảnh hưởng của tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	681.417.040	3.251.449.005
Các khoản ưu đãi thuế	(104.751.302.043)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	12.384.437.160	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất áp dụng cho các khoản chênh lệch tạm thời	6.238.823.438	-
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời	-	692.637.012
Lỗi tính thuế đã sử dụng	-	(628.005.118)
	<hr/> 134.723.376.749	<hr/> 152.705.088.266



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

***Trụ sở chính***

Theo các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong toàn bộ thời gian dự án đối với phần thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh chế biến thức ăn gia súc và thức ăn thủy sản. Các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Trụ sở chính được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013). Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

***Chi nhánh Hà Nam (“Chi nhánh”)***

Theo các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư của Chi nhánh, Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2006) và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trong những năm tiếp theo. Các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2009) và được giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2016). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

***ANCO Vĩnh Long***

Theo các quy định hiện hành về thuế, ANCO Vĩnh Long có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động (từ năm 2006 đến năm 2016) và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường cho các năm tiếp theo. ANCO Vĩnh Long cũng được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2009) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2014). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

Căn cứ theo hướng dẫn của Công văn số 18478/BTC-CST ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính, Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng ANCO Vĩnh Long đáp ứng điều kiện để hưởng mức thuế suất thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ trồng trọt, chăn nuôi và chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản và không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ năm 2016 trở đi.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

***ANCO Thái Nguyên***

Theo Công văn số 218/CV-BQL ngày 9 tháng 5 năm 2012 được ban hành bởi Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và theo các quy định hiện hành về thuế, ANCO Thái Nguyên có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2016 đến năm 2025) và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường cho các năm tiếp theo. Theo công văn này, ANCO Thái Nguyên cũng được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2021). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

Năm đầu tiên ANCO Thái Nguyên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, nhưng thời gian sản xuất và hoạt động dưới 12 tháng. Do đó, ANCO Thái Nguyên đã đăng ký với Cục thuế tỉnh Thái Nguyên năm đầu tiên được miễn thuế là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

***ANCO Tiền Giang***

Theo giấy chứng nhận đầu tư, ANCO Tiền Giang có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2016 đến năm 2030) và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường cho các năm tiếp theo. Các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Tiền Giang được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

Năm đầu tiên ANCO Tiền Giang có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, nhưng thời gian sản xuất và hoạt động dưới 12 tháng. Do đó, ANCO Tiền Giang đã đăng ký với Cục thuế tỉnh Tiền Giang năm đầu tiên được miễn thuế là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

***ANCO Bình Định***

Theo các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư, ANCO Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường cho các năm tiếp theo. Các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Bình Định được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

***ANCO Hậu Giang***

Theo các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư, ANCO Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án. Các điều khoản của giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Hậu Giang được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

***ANCO Nghệ An***

Theo quy định hiện hành về thuế, ANCO Nghệ An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu từ dự án và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường cho các năm tiếp theo. ANCO Nghệ An cũng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

***MNF***

Theo quy định hiện hành về thuế, MNF có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng mức thuế thu nhập thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**MNF (NA)**

Theo quy định hiện hành về thuế, MNF (NA) được miễn thuế thu nhập từ hoạt động chăn nuôi lợn. Ưu đãi miễn thuế trên không áp dụng cho các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

**36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 1.281.425.035.183 VND (2015: 768.519.832.637 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 20.000.000 cổ phiếu (2015: 20.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.281.425.035.183	768.519.832.637

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Số cổ phiếu</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	20.000.000	20.000.000

**37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập lãi cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được tái cơ cấu thành nợ gốc vay	57.600.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tái cơ cấu thành nợ gốc vay	800.000.000	-

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Cùng với số dư của các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các bên liên quan</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Con cò Bình Định</b>		
Bán thành phẩm	55.165.899.040	1.341.692.000
Mua nguyên vật liệu	1.968.779.860	-
<b>Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc</b>		
Bán thành phẩm	762.184.318.588	26.108.783.298
Cung cấp dịch vụ	19.442.445.016	46.200.000
Mua nguyên vật liệu	593.117.505.394	4.482.278.163
Vay	5.383.000.000.000	-
Hoàn trả nợ gốc vay	4.940.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	37.578.191.778	-
Mượn nguyên vật liệu	-	311.940.000
<b>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên</b>		
Bán thành phẩm	64.538.046.922	-
Mua nguyên vật liệu	3.004.328.680	-
<b>Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ</b>		
Bán thành phẩm	26.011.701.690	-
<b>Công ty TNHH Kenji</b>		
Cho vay	58.400.000.000	730.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	63.353.600.000	57.600.000.000
<b>Công ty TNHH Shika</b>		
Cho vay	1.865.336.378.000	-
Thu hồi khoản cho vay	418.161.920.000	-
Thu nhập lãi cho vay	52.008.912.649	-
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan</b>		
Cho vay	4.396.000.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	4.000.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	12.140.219.178	-

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Giá trị giao dịch</b>	
<b>2016</b>	<b>2015</b>
<b>VND</b>	<b>VND</b>

**Các thành viên Ban Giám đốc**  
Tiền lương và thưởng

21.481.619.076	24.959.551.519
----------------	----------------

---



Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám đốc

